

HIỆN TƯỢNG CHUYỂN MÃ NGÔN NGỮ TRÊN MẠNG XÃ HỘI FACEBOOK

DƯƠNG THỊ HỒNG THẨM *

Tóm tắt: Ngày nay, hiện tượng chuyển mã ngôn ngữ, cụ thể là việc chêm tiếng Anh vào các cuộc nói chuyện, hội thoại cũng như các bài viết trên mạng xã hội là hiện tượng khá phổ biến trong cộng đồng những người sử dụng thành thạo hai ngôn ngữ Anh - Việt. Chính vì thế, bài viết được thực hiện nhằm khảo sát các loại chuyển mã thường được sử dụng và các lý do chuyển mã trong các bài viết cũng như các bình luận đăng trên trang Facebook cá nhân của tác giả. Kết quả nghiên cứu cho thấy chuyển mã trong câu được sử dụng phổ biến nhất và lý do chính dẫn đến việc chuyển mã này là do thói quen của người sử dụng.

Từ khóa: Hiện tượng chuyển mã, Anh - Việt, mạng xã hội, Facebook.

Abstract: Nowadays, code switching, especially mixing English in conversations, speeches as well as in written contexts like social networking sites, is a popular phenomenon to those who are fluent in both English and Vietnamese. Therefore, the research was carried out to investigate frequently used types of code-switching and the reasons why they are used in the posts and comments on the author's Facebook. The results show that, the instances of intra-sentential code-switching are dominant and the most common reason for code-switching is due to participants' habitual experience.

Keywords: Code-switching, English - Vietnamese, social network, Facebook.

1. Dẫn nhập

Trong xu thế hội nhập và toàn cầu hóa hiện nay, tiếng Anh đã và đang trở thành ngôn ngữ được sử dụng phổ biến ở Việt Nam và cũng đang được dùng rộng rãi trên các trang mạng xã hội như Facebook, Twitter, Instagram,... Một điều dễ nhận thấy là trên các trang mạng xã hội này, hiện tượng chêm xen tiếng Anh thường xuyên được những người tham gia giao tiếp sử dụng. So với các trang mạng xã hội Twitter và Instagram, Facebook được nhiều đối tượng sử dụng hơn cả, do đó số người sử dụng cũng như tần suất xuất hiện của hiện tượng chuyển mã trên Facebook là khá cao. Vì vậy, nghiên cứu này được thực hiện nhằm tìm hiểu các mô hình chuyển mã và các lý do chuyển mã của người tham gia giao tiếp trên Facebook cá nhân của tác giả.

2. Nội dung

2.1. Khái niệm công cụ

2.1.1. Chuyển mã

Có rất nhiều định nghĩa khác nhau về hiện tượng chuyển mã. Wardhaugh [10,

* ThS - Khoa Tiếng Anh, Trường Đại học Thương Mại; Email: thamduong31@tmu.edu.vn

tr.93] định nghĩa chuyển mã (code-switching) là sự chuyển đổi ngôn ngữ xảy ra giữa một hoặc nhiều ngôn ngữ với nhau trong bối cảnh của xã hội song ngữ và đa ngữ. Poplack [7, tr.581] định nghĩa chuyển mã là “sự luân phiên của hai ngôn ngữ trong một diễn ngôn, câu hoặc thành phần”, thường không có sự thay đổi về người đối thoại hoặc chủ đề. Bên cạnh đó, Poplack chỉ sử dụng thuật ngữ “chuyển mã” cho tiến trình thực hiện chức năng ngôn bản ở cấp độ dưới, ngang hoặc trên câu. Nguyễn Văn Khang [3, tr.224] định nghĩa “Chuyển mã là việc sử dụng hai hoặc trên hai biến thể ngôn ngữ trong một lần đối thoại”.

Trong bài viết này, chúng tôi sử dụng định nghĩa của Nguyễn Văn Khang để xác định các hiện tượng chuyển mã trong ngữ liệu của mình.

Poplack [7] đã chia hiện tượng chuyển mã thành 3 loại bao gồm: chuyển mã ngoài câu (extra-sentential), chuyển mã liên câu (inter-sentential) và chuyển mã trong câu (intra-sentential).

Chuyển mã ngoài câu là hiện tượng người dùng thêm các từ hoặc cụm từ bằng ngôn ngữ thứ hai vào cuối một câu hoàn chỉnh viết bằng ngôn ngữ mẹ đẻ hoặc ngược lại. Ví dụ, sau khi viết một câu bằng tiếng Việt, người dùng có thể thêm vào cuối câu các từ và cụm từ bằng tiếng Anh như: “Ok”, “Right?”, “I mean” hoặc “You know”.

Chuyển mã liên câu là loại chuyển mã xảy ra ở cấp độ mệnh đề hoặc câu. Chuyển mã ở cấp độ mệnh đề diễn ra khi một mệnh đề được viết bằng một ngôn ngữ, trong khi mệnh đề kia lại sử dụng một ngôn ngữ khác, Poplack [7] đã có một ví dụ về chuyển mã liên câu rất điển hình: “*Sometimes I’ll start a sentence in Spanish y termino en español*” (Đôi khi tôi sẽ bắt

đầu một câu bằng tiếng Tây Ban Nha và kết thúc bằng tiếng Tây Ban Nha”) (Bản song ngữ Tây Ban Nha - Anh được Poplack ghi âm trong cộng đồng người Puerto Rico ở Thành phố New York).

Chuyển mã trong câu là sự xen kẽ các từ hoặc cụm từ đơn lẻ và các mệnh đề trong một câu. Theo Muysken, việc trộn mã bên trong câu thường được chia thành ba mô hình chính: chèn (từ hoặc cụm từ), xen kẽ (mệnh đề) và sự từ vựng hóa phù hợp (phương ngữ) [6, tr.246]. Ví dụ: trong chuyển mã giữa tiếng Anh và tiếng Việt, người dùng có thể nói: “Hàng made in Nhật Bản, màu sắc tươi sáng, giá cả cạnh tranh”.

2.1.3. Lý do chuyển mã

Theo Malik [5], có 10 lý do chuyển mã mà người dùng thường sử dụng:

1. Khoảng trống từ vựng: Khi một số khái niệm của một ngôn ngữ này không tồn tại trong một ngôn ngữ khác, hiện tượng chuyển mã sẽ được sử dụng.

2. Thiếu năng lực ngôn ngữ: Hiện tượng chuyển mã được sử dụng khi cảm thấy khó khăn trong việc chọn từ ngữ thích hợp trong ngôn ngữ đích, đặc biệt đối với những người không thành thạo hai ngôn ngữ ngang nhau.

3. Tâm trạng của người nói: Tâm trạng của người dùng khác nhau (mệt mỏi, tức giận hoặc lo lắng) cũng là một trong những nguyên nhân họ sử dụng hiện tượng chuyển mã. Ngay cả khi người sử dụng thành thạo hai ngôn ngữ thì họ vẫn lựa chọn chuyển mã.

4. Nhấn mạnh một luận điểm: Người dùng áp dụng hiện tượng chuyển mã trong một phần của diễn ngôn với mong muốn người nghe tập trung vào nội dung cần làm nổi bật.

5. Thói quen: Chuyển mã cũng xuất hiện trong giao tiếp hàng ngày như chào hỏi, tạm biệt, mệnh lệnh, yêu cầu, lời mời, lời xin lỗi,...

6. Ngữ nghĩa: Chuyển mã có thể truyền tải thông tin ngôn ngữ cũng như xã hội cần thiết và có ý nghĩa. Do đó, người nghe hiểu chuyển mã là một dấu hiệu thể hiện ý định giao tiếp, cảm xúc và thái độ của người nói.

7. Thể hiện bản sắc nhóm: Chuyển mã được sử dụng để biểu thị các giá trị và trải nghiệm chung của những người thuộc cùng một cộng đồng hoặc cùng một nền văn hóa. Do đó, các từ ngữ được dùng bằng ngôn ngữ gốc để thể hiện cảm giác quen thuộc và đặc trưng của nhóm người đó.

8. Để tiếp cận các đối tượng khác nhau: Khi hướng mục tiêu đến những người nghe hoặc người nhận khác nhau, các ngôn ngữ khác nhau được sử dụng để truyền tải thông điệp.

9. Lý do ngữ dụng học: Đôi khi việc chuyển mã phụ thuộc vào bối cảnh của một cuộc trò chuyện hoặc các yếu tố khác như tính trang trọng hình thức, người tham gia và vị trí nơi hội thoại diễn ra. Do đó, chuyển mã có thể miêu tả mức độ tham gia khác nhau của người nói.

10. Thu hút sự chú ý: Thông thường, khi hai hoặc nhiều ngôn ngữ được sử dụng trên các phương tiện truyền thông hoặc quảng cáo, ngôn ngữ mà người nghe quen thuộc sẽ thu hút hơn.

2.2. Phương pháp thu thập và phân tích ngữ liệu

Đối tượng nghiên cứu là các bài đăng cập nhật trạng thái trên dòng thời gian và các phản hồi dưới phần bình luận đi kèm bài đăng có hiện tượng chuyển mã giữa hai ngôn ngữ Anh và Việt trên trang Facebook cá nhân của tác giả.

Bài viết sử dụng phương pháp chọn mẫu chọn lọc trên trang Facebook cá nhân của tác giả. Đối tượng tham gia là một nhóm gồm mười người, ba nam và bảy nữ, tất cả đều trong danh sách bạn bè của tác giả và là

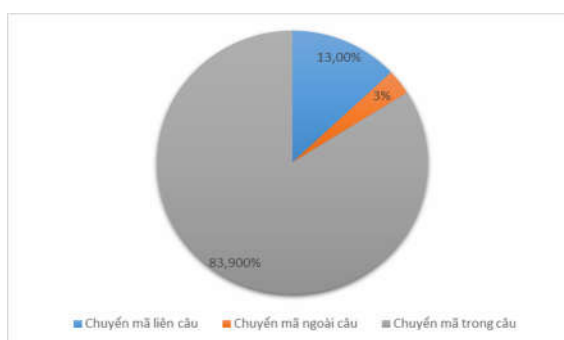
những người biết cả tiếng Việt và tiếng Anh và họ thường xuyên thực hiện việc chuyển đổi ngôn ngữ khi đăng bài cập nhật cũng như đăng các bình luận đi kèm bên dưới.

Dữ liệu được thu thập trong bảy tháng, từ tháng 1 đến tháng 7 năm 2015 với 1.033 dòng trạng thái và lượt bình luận có hiện tượng chuyển mã trên Facebook của các đối tượng tham gia nghiên cứu. Bài viết chủ yếu sử dụng phương pháp nghiên cứu định tính để mô tả bản chất của việc chuyển mã cũng như lý do của việc chuyển mã. Bảng hỏi phỏng vấn chia làm hai loại, loại 1 gồm các câu hỏi đóng và loại 2 là các câu hỏi mở. Các câu trả lời cho câu hỏi đóng sẽ được phân tích, tổng hợp trên Excel và trình bày dưới dạng biểu đồ tròn hoặc biểu đồ cột. Các câu trả lời cho câu hỏi mở sẽ được tổng hợp và phân tích dựa trên mục tiêu và câu hỏi nghiên cứu.

3. Kết quả nghiên cứu

3.1. Phân loại chuyển mã được sử dụng

Trên cơ sở phân loại của Poplack [7], với 1.033 dòng trạng thái có sử dụng hiện tượng chuyển mã, bài viết đã chia thành ba loại như sau: chuyển mã ngoài câu (hoặc chuyển mã đuôi), chuyển mã liên câu và chuyển mã trong câu. Tỷ lệ các loại chuyển mã được thể hiện ở biểu đồ sau đây:

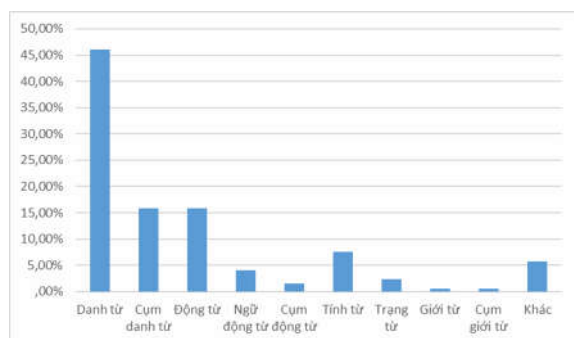


Hình 1. Các loại chuyển mã theo phân loại của Poplack

Hình 1 cho thấy loại chuyển mã trong câu được sử dụng phổ biến nhất (84%), tiếp theo

là chuyển mã liên câu (13%), loại chiếm tỉ lệ ít nhất là chuyển mã ngoài câu (3%).

3.1.1. Chuyển mã trong câu



Hình 2. Chuyển mã trong câu phân bố theo cú pháp

Kết quả thống kê ở Hình 2 cho thấy, khi chuyển mã, danh từ chiếm tỉ lệ cao nhất (46,1%), tiếp đến là động từ (15,8%), tiếp sau là tính từ (7,6%). Ngoài ra các loại như cụm danh từ, cụm động từ, ngữ động từ, cụm giới từ và cả câu trích dẫn chiếm một phần không nhỏ, khoảng hơn 23% tổng các loại từ được chuyển mã. Có 5,8% mục “khác” bao gồm: thán từ, câu, các trường hợp vi phạm, cụ thể như sau:

Bảng 1. Các loại cú pháp khác được chuyển mã trong câu

Các loại cú pháp khác	Số lượng	Tỉ lệ %	Ví dụ
Thán từ	10	1,2%	<i>Well!</i> Chỉ để vui.
Câu	14	1,6%	Mình ra về thân thiện <i>how's you doing</i> thì kể lể tao nghèo khổ ra sao chờ tiền tip
Các trường hợp vi phạm quy tắc cú pháp	10	1,2%	Đợt này bận quá, việc nhiều khiến ai cũng <i>stress</i> . (stressed - tính từ)
Phiên âm từ tiếng Anh dưới dạng tiếng Việt	8	0,9%	Sau rất nhiều lần phải tuyển dụng, mình có 1 số <i>còm men</i> vu vơ sau. (comment)
Các trường hợp đặc biệt	8	0,9%	U made my <i>thứ 7</i> night. So im finally going to ... <i>lấy chồng</i> ... (thông thường người tham gia chuyển mã Việt sang Anh nhưng trường hợp này lại chuyển mã Anh sang Việt)
Tổng	50	5,8%	

3.1.2. Chuyển mã ngoài câu

Chuyển mã đuôi (tag) có thể được chèn vào nhiều vị trí trong một diễn ngôn mà không làm xáo trộn trật tự cú pháp. Tuy

nhiên, kết quả của nghiên cứu này cho thấy không có trường hợp chuyển mã đuôi nào được đặt ở cuối diễn ngôn. Thay vào đó, có mười hai trường hợp chuyển mã đuôi được chèn vào trước mỗi diễn ngôn, bao gồm “By the way”, “Ok”, “Anyway”, “P/s”,... Ví dụ: *Ok* nhìn thẳng béo quá hả vậy hãy nhìn đằng sau; *Anyway*, đừng nên so sánh bản thân với người khác quá;...

3.1.3. Chuyển mã liên câu

Trong số 134 trường hợp chuyển mã liên câu, chỉ có duy nhất 3 trường hợp chuyển mã ở cấp độ mệnh đề. Ví dụ: *Just got my first golf clubs set, nothing fancy vì bây giờ vẫn đang cố đánh trúng bóng*;...

Một điểm đáng chú ý là 36 trường hợp chuyển mã liên câu dưới dạng thẻ siêu dữ liệu (hashtag), một loại cụm từ viết liền sau dấu thăng (#) được sử dụng trên mạng xã hội để giúp người sử dụng dễ dàng tìm những thông điệp về một chủ đề cụ thể. Kết quả nghiên cứu cho thấy, người dùng thường bắt đầu bài viết của mình bằng tiếng Việt nhưng cuối cùng sẽ đúc kết lại bằng thẻ

siêu dữ liệu hashtag tiếng Anh dưới dạng từ, cụm từ, thậm chí câu mà không cần sử dụng khoảng cách giữa các từ. Ví dụ: *Kế hoạch mới, dự định mới, niềm vui mới... #newplan#waitforit* (new plan - wait for it);...

3.2. Lý do của hiện tượng chuyển mã

Bảng 2. Các lý do chuyển mã ngôn ngữ

Lý do chuyển mã ngôn ngữ	Số lượng	Tỉ lệ %	Ví dụ
1. Khoảng trống từ vựng	57	5,5	Ví dụ để giảm pelvic pain (k phải hông, chả hiểu tiếng Việt có phải háng hay vùng chậu k) thì có thể thay đổi cách nằm (nằm nghiêng, kẹp gối vào giữa 2 đùi và đầu gối sẽ giúp giảm áp lực lên vùng pelvis)
2. Thiếu năng lực ngôn ngữ	131	12,7	May mắn đã có được công việc mới, upgrade cho career path của mình, và cũng chính là công việc mà mình khá mơ ước
3. Tâm trạng của người dùng, đồng thời để nói giảm nói tránh	55	5,3	Thế là từ mai k có đc ngồi vs chúng nó nữa rồi.... k đc đến lớp để nhảy tung tung nữa rồi..... So damn shit.....
4. Để nhấn mạnh một luận điểm	116	11,2	Again , chỉ là ý kiến cá nhân mình
5. Thói quen	377	36,5	uh thks em, thấy 2 cái đấy cũng đc recommend trong list kia
6. Nhấn mạnh ngữ nghĩa	63	6,1	Gió ngoài đường đang rú, đùa lại lạnh hơn à :)) mình còn thấy rên, chỉ sợ con zờ hơi bị lạnh, mà thôi ko sao nó khoẻ như the rock ý
7. Để thể hiện bản sắc nhóm	36	3,5	Nói chung mình cứ nghĩ lại thấy buồn cười... Anh súp giục mình nộp đơn làm phụ tá cho súp đi.....xong súp lại email chúc mình may mắn, cứ như thế, cái may mắn ý không ít nhiều nằm trong tay súp ...
8. Để tiếp cận các đối tượng khác nhau	18	1,8	Cảm giác lúc đó thật hụt hẫng và buồn bã, như thể giấc mơ đẹp đã vỡ tan mất rồi... <i>I'm feeling weak now, lost is lost, but past is not just then</i>
9. Lý do ngữ dụng học	66	6,4	"Tôi ko biết vì sao tôi yêu em-Càng ko biết vì sao tôi nhớ em-Nhưng tôi biết 1 điều: tôi cần em" - said someone
10. Để thu hút sự chú ý	59	5,7	Rì pót cho mày nhé :))
11. Để thể hiện bản thân giỏi tiếng Anh	21	2,0	Salmon với steak đều ok, fish & chips cũng ngon
12. Để trích dẫn	23	2,2	Thình thoảng ôm và được ôm như thế này mới nhận ra là em đã quên và đã nhớ... Rất nhiều "Give your all to me - I'll give my all to you"
13. Để viết nhanh hơn	8	0,8	Update vụ sample , một tuần sau khi gửi emails đi thì mới nhận đc ít ít đồ đến thôi, còn vài brands nữa chưa đến nhưng cảm thấy rất hài lòng với dịch vụ chăm sóc khách hàng của họ
14. Để tránh sến súa	2	0,2	Day of happiness - Hơn 12 năm chơi vs nhau đã đủ thân chưa?
15. Sử dụng máy cơ quan không có chế độ	1	0,1	Em se sang som, cu o ben nay, kha nang single con nhieu hơn o Duc!
Tổng	1.033	100	

Bảng 2 cho thấy lý do chính dẫn đến việc chuyển mã trên Facebook là do thói quen sử dụng (36,5%). Những người tham gia trả lời sử dụng chuyển mã trong các bài đăng trạng thái và bình luận của họ gần như tự động, do đó những từ, cụm từ hoặc câu nào nảy ra trong đầu họ sẽ được thể hiện trong bài đăng của họ trước tiên. Hơn nữa, chuyển mã đang trở thành một hiện tượng phổ biến trên Facebook, vì vậy họ coi đó là điều hiển nhiên. Một trong những đặc điểm nổi bật nhất là các thuật ngữ mạng xã hội như: đăng bài (post), liên kết (link), chia sẻ (share), cập nhật (update), bình luận (comment), trạng thái (status),... được sử dụng rộng rãi và phổ biến và đã trở nên quen thuộc với hầu hết người dùng Facebook. Tóm lại, bên cạnh các cụm từ cố định như chào hỏi, tạm biệt, mệnh lệnh, yêu cầu, lời mời, lời xin lỗi và dấu hiệu diễn ngôn, các thuật ngữ mạng xã hội phổ biến cũng được coi là thói quen.

4. Kết luận

Trong cộng đồng mạng xã hội nói chung và Facebook nói riêng, chuyển mã xuất hiện như là một hiện tượng phổ biến với người dùng nói tiếng Việt và tiếng Anh. Nghiên cứu đã chỉ ra các loại chuyển mã và lý do chuyển mã trên mạng xã hội Facebook cá nhân của tác giả như sau:

Thứ nhất, chuyển mã trong câu được sử dụng thường xuyên nhất với phần lớn từ loại đơn được dùng, phổ biến nhất là danh từ đơn, động từ và tính từ. Kết quả này tương đồng với các nghiên cứu khác về hiện tượng chuyển mã. Ngoài ra, thán từ, giới từ, các loại từ ghép như cụm danh từ, cụm động từ, cụm giới từ và cả câu trích dẫn cũng chiếm một phần không nhỏ. Một số từ tiếng Anh được phiên âm theo cách đọc trong tiếng Việt cũng được áp dụng và làm cho kết quả của nghiên cứu thêm phần

đa dạng và mới mẻ. Đây được coi là kiểu chuyển mã phức tạp nhất, chủ yếu là do khả năng vi phạm các quy tắc cú pháp cao, cũng như đòi hỏi lượng kiến thức lớn về cả hai ngôn ngữ và cách dùng hai ngôn ngữ tích hợp với nhau.

Một điểm đặc biệt nữa là khi chuyển mã liên câu, người dùng còn áp dụng hình thức thẻ siêu dữ liệu để nhấn mạnh chủ đề và thu hút sự chú ý của những người dùng khác.

Về chuyển mã đuôi, kết quả cho thấy người sử dụng song ngữ trên Facebook cá nhân của tác giả có xu hướng đặt ở đầu câu thay vì cuối câu. Loại chuyển mã ngoài câu này rất đơn giản và không đòi hỏi người dùng phải có mức độ thành thạo ngôn ngữ thứ hai quá cao và với ít hoặc không có nguy cơ vi phạm các quy tắc ngữ pháp.

Thứ hai, về lý do chuyển mã, kết quả cho thấy những người sử dụng chuyển mã đều đưa ra các lý do khi chuyển mã. Hầu hết những lý do đó đều đồng thuận với nghiên cứu của Malik. Ngoài ra, một số lý do khách quan và chủ quan khác cũng được người tham gia đề cập đến bao gồm: để tiết kiệm thời gian, để tránh bị sến, để trích dẫn, để khoe sự trình độ tiếng Anh của mình với một số thuật ngữ chuyên môn và một lý do khách quan “vì dùng máy tính cơ quan không có chế độ gõ tiếng Việt”.

Kết quả nghiên cứu này góp phần giúp người sử dụng mạng xã hội nhận thức rõ hơn về hiện tượng chuyển mã ngôn ngữ. Các nhà khoa học ở các lĩnh vực liên quan có thể sử dụng bài viết này để tham khảo và thực hiện các nghiên cứu sâu hơn.

TÀI LIỆU THAM KHẢO

- [1] Trần Thị Huyền, *Hiện tượng chuyển mã tiếng Anh trong giao tiếp tiếng Việt (Trường hợp sinh viên chuyên ngữ ở một số trường đại học tại Hà*

Nội), Luận án Tiến sĩ Ngôn ngữ học, Đại học Quốc gia Hà Nội, 2016.

[2] Trần Thị Phương Lý và Cao Kim Vy, “Nghiên cứu cấu trúc trộn mã ngôn ngữ Việt - Anh trong giao tiếp trao đổi mua bán của tiểu thương chợ Bến Thành, thành phố Hồ Chí Minh”, *Tạp chí Khoa học Ngôn ngữ và Văn hóa*, Tập 4, Số 1, 2020.

[3] Nguyễn Văn Khang, *Ngôn ngữ học xã hội: Những vấn đề cơ bản*, Nxb. Khoa học xã hội, Hà Nội, 1999.

[4] Choy, Wai Fong, “Functions and reasons for code-switching on Facebook by UTAR English-Mandarin Chinese bilingual undergraduates”, *Final Year Project*, Universiti Tunku Abdul Rahman, 2011.

[5] Malik, L., *Socio-linguistics: A study of code-switching*, Anmol Publications Pvt. Ltd., New Delhi, 1994.

[6] Muysken, P., *Bilingual speech: A typology of code-mixing*, Cambridge University Press, Cambridge, 2000.

[7] Poplack, S., “Sometimes I’ll start a sentence in Spanish y termino en espanol: toward a typology of code-switching”, *Linguistics*, Vol.18, pp.581-618, 1980.

[8] Sihombing, R. D., Meisuri, M., “Code switching in social media TWITTER”, *Linguistica*, Vol.3, No.2, pp.128-143, 2014.

[9] Urbäck, K., *Code-switching in Computer-Mediated Communication: The use of Swedish and English in an Internet discussion forum*, Student thesis, Faculty of Humanities and Social Sciences, Växjö University, 2007.

[10] Wardhaugh, R. and Fuller, J. M., *An Introduction to Sociolinguistics*, Sixth Edition, Wiley-Blackwell, New Jersey, 2010.

⇒ Tiếp theo trang 81 (GIẢI MÃ NÉT THANH LỊCH TRONG TIẾNG NÓI...)

Ke Chu, Ca Cho, Kesho,... “Kẻ Chợ” cũng đã được viết rõ ràng cùng lời giải nghĩa là “Những người ở trong chợ, nghĩa là những người ở kinh đô Tonquin (Đông Kinh/ Bắc Kỳ/ Đàng Ngoài - DXQ chú)” ở Từ điển Annamiticum - Lusitanum - Latinum (Việt - Bồ - La) của A. de Rhodes, xuất bản năm 1651. Để có tên gọi như vậy, hẳn chắc vùng đất này đã mang những đặc trưng của một nơi tụ cư sầm uất trước đó.

² Tứ chiêng là một thuật ngữ dùng để chỉ bốn vùng đất: xứ Đông, xứ Đoài, xứ Nam (xứ Sơn Nam), xứ Bắc (xứ Kinh Bắc) vây quanh bốn phía đông, tây, nam, bắc kinh thành Thăng Long xưa, nhưng cũng dành để phiếm chỉ tất cả những vùng đất ngoại thành Hà Nội, thậm chí là toàn bộ vùng châu thổ Sông Hồng và trung du Bắc Bộ.

³ Bốn quận nội thành cũ của Hà Nội (Hoàn Kiếm, Hai Bà Trưng, Đống Đa, Ba Đình), tương ứng với hai huyện Quảng Đức và Vĩnh Xương, hợp thành phủ Phụng Tiên (thời Lê), rồi đổi thành Vĩnh Thuận và Thọ Xương của phủ Hoài Đức

(thời Nguyễn). Như vậy, tính liên tục của vùng lõi Hà Nội xưa được xác lập nhằm đảm bảo tính thuần nhất của khách thể khảo sát.

TÀI LIỆU THAM KHẢO

[1] Đào Duy Anh, *Việt Nam văn hóa sử cương*, Nxb. Thế giới, Hà Nội, 2014.

[2] Hoàng Thị Châu, *Tiếng Việt trên các miền đất nước*, Nxb. Khoa học xã hội, Hà Nội, 1989.

[3] Phan Huy Lê (Chủ biên), *Lịch sử Thăng Long - Hà Nội*, Nxb. Hà Nội, Hà Nội, 2010.

[4] Trần Huy Liệu (Chủ biên), *Lịch sử Thủ đô Hà Nội*, Viện Sử học, Hà Nội, 1960.

[5] Phan Ngọc, *Bản sắc văn hóa Việt Nam*, Nxb. Văn hóa - Thông tin, Hà Nội, 1998.

[6] Nguyễn Kim Thản, *Lời ăn tiếng nói của người Hà Nội*, Nxb. Hà Nội, Hà Nội, 1982.

[7] Trần Quốc Vượng - Vũ Tuấn Sán, *Hà Nội nghìn xưa*, Sở Văn hóa - Thông tin Hà Nội, Hà Nội, 1975.

[8] Austin, J. L., *How to do things with words*, Harvard University Press, Harvard, 1962.

[9] Labov, W., *The Social Stratification of English in New York City*, Second edition, Cambridge University Press, Cambridge, 2006.